

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 58, 59; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý **số 1111/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2026** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1995; CCCD số 001095021417 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021; Nơi ở hiện tại: **F T, phường B, Hà Nội**.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1995; Căn cước số 001195025152 do **Bộ C** cấp ngày 01/11/2024; Nơi ở hiện tại: **F T, phường B, Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị **Nguyễn Thị Hồng H** và anh **Nguyễn Hồng Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường phường H, quận H, thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận kết hôn số **52/2016 ngày 06/08/2016**.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành **ngày 06 tháng 10 năm 2026 về** việc các đương sự đã thật sự tự

nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý **số 1111/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2026**.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành **ngày 06 tháng 10 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng H** và anh **Nguyễn Hồng Q**.

- Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Hồng H** và anh **Nguyễn Hồng Q** xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu **Nguyễn Mẫn N**, sinh ngày 24/10/2016 và cháu **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 30/9/2022.

Giao chị **Nguyễn Thị Hồng H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng **Nguyễn Mẫn N** và cháu **Nguyễn Minh K**. Anh **Nguyễn Hồng Q** tự nguyện đóng góp 12.000.000 đồng/tháng/2 con cho chị **Nguyễn Thị Hồng H** để nuôi con chung kể từ tháng 10/2026 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh **Nguyễn Hồng Q** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị **Nguyễn Thị Hồng H** và anh **Nguyễn Hồng Q** không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

- Về công nợ: Chị **Nguyễn Thị Hồng H** và anh **Nguyễn Hồng Q** không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

- Về lệ phí Toà án: Anh **Nguyễn Hồng Q** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh **Nguyễn Hồng Q** được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số **0006894 ngày 06/10/2026** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Hà